

Số: 12/BCTC/MPC23

Cà Mau, ngày 21 tháng 03 năm 2024

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú thực hiện công bố thông tin BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

#### **1. Tên tổ chức:**

- Mã chứng khoán: MPC
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 290-383-9391 Fax: (+84) 290-366-8795
- Email: [minhphu@minhphu.com](mailto:minhphu@minhphu.com) Website: <https://minhphu.com/>

#### **2. Nội dung thông tin công bố: Báo Cáo Tài Chính Công Ty Mẹ Năm 2023**

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

#### **- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:**

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 21/03/2024 tại đường dẫn: <https://minhphu.com/>

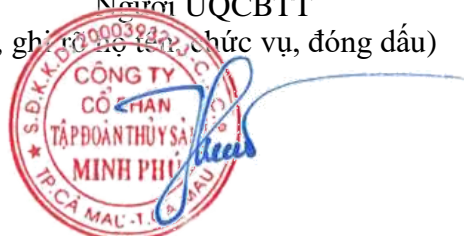
**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC công ty mẹ năm 2023
- Văn bản giải trình

**Đại diện tổ chức**

Người UQCBT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG**

**CÔNG TY CP  
TẬP ĐOÀN  
THỦY SẢN  
MINH PHÚ**

Digitally signed by CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ  
DN: C=VN, L="Khu công nghiệp phường 8, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam",  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:20003923,  
O=CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ, E=ngochuong@minhphu.com, CN=CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2024-03-21 13:59:57  
Foxit Reader Version: 10.0.0

**TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**  
KCN P8, TP. CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU  
ĐT: 0290.3839.391 Fax: 0290.3833.119  
Số: 01/2023/UQBCTC-MPC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**  
\*\*\*\*\*

Cà Mau, ngày 10 tháng 01 năm 2023

## GIẤY ỦY QUYỀN

**Căn cứ khả năng, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật, nay:**

**TÔI : LÊ VĂN QUANG**

Sinh ngày: 28/10/1958

CCCD số: 022058000698, Ngày cấp 21/12/2021, Do Cục trưởng Cục Cảnh Sát QLHC và TTXH cấp  
Địa chỉ thường trú: 82, Đường số 2, Cư xá Đô Thành, P4, Q3, TP.HCM

**Chức vụ: Tổng Giám đốc**, và là người đại diện theo pháp luật của của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú** (GPKD số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 01/11/2022).

**Nay tôi đồng ý ủy quyền cho:**

**Ông: LÊ VĂN ĐIỆP**

CCCD số: 096072015834, Ngày cấp 28/06/2021 Nơi cấp: Cục Trưởng Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 212 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, TP. Cà Mau

**Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công Ty Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú kiêm Tổng Giám đốc Nhà Máy MPCM và MPHG**

**Thay tôi thực hiện các công việc trong phạm vi như sau:**

+ Ký các hồ sơ, sổ sách chứng kế toán nhà máy MPCM và MPHG

+ Ký các báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất quý, báo cáo tài chính kiểm toán soát xét giữa niên độ, Báo cáo tài chính kiểm toán năm của Công Ty Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú.

Người được ủy quyền có nghĩa vụ phải thực hiện các công việc được ủy quyền trên theo đúng: (i) Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật có liên quan. (ii) Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công Ty và pháp luật về công việc được ủy quyền nêu trên ./.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 10/01/2026.



**LÊ VĂN QUANG**

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

**LÊ VĂN ĐIỆP**



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản  
Minh Phú**

Báo cáo tài chính riêng cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh**

6103000072  
2000393273

ngày 12 tháng 5 năm 2006  
ngày 23 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được điều chỉnh 2 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 ngày 23 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 đã được điều chỉnh 6 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 ngày 7 tháng 7 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các giấy bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký doanh nghiệp**

2000393273

ngày 15 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2000393273 ngày 1 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp

**Hội đồng Quản trị**

Bà Chu Thị Bình  
Ông Lê Văn Quang  
Ông Lê Văn Điệp  
Ông Phan Thanh Lộc  
Bà Hồ Thu Lê  
Ông Bùi Anh Dũng  
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa  
Ông Sasaki Takahiro  
Ông Hamaya Harutoshi

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Văn Quang  
Bà Chu Thị Bình  
Ông Thái Hoàng Hùng

Ông Lê Văn Điệp  
Ông Bùi Anh Dũng  
Ông Lê Ngọc Anh  
Bà Lê Thị Dịu Minh  
Ông Chu Hồng Hà  
Ông Tsunoda Norihisa  
Ông Trần Văn Thái

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(Đến ngày 5 tháng 11 năm 2023)  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(Đến ngày 1 tháng 9 năm 2023)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Văn Khánh  
Bà Lâm Thị Thúy Kiều

Bà Vũ Thị Thảo Nguyên

Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc

Bà Đỗ Thị Hạnh

Trưởng ban

Thành viên

(từ ngày 28 tháng 12 năm 2023)

Thành viên

(từ ngày 28 tháng 12 năm 2023)

Thành viên

(đến ngày 27 tháng 12 năm 2023)

Thành viên

(đến ngày 27 tháng 12 năm 2023)

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Phường 8  
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 18 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 52.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.







## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00365-24-1



Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2024

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>3.168.304.234.085</b>	<b>5.485.602.685.130</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>295.636.710.483</b>	<b>637.929.538.722</b>
Tiền	111		67.599.710.483	83.929.538.722
Các khoản tương đương tiền	112		228.037.000.000	554.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.226.036.394</b>	<b>3.226.036.394</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	8.806.789.411	8.806.789.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(5.580.753.017)	(5.580.753.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	5.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>929.352.573.182</b>	<b>2.695.341.170.778</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	692.398.129.100	2.589.531.853.035
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	28.520.834.529	48.146.031.359
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	141.983.309.684	26.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	75.935.795.579	41.148.782.094
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(c)	(9.485.495.710)	(9.485.495.710)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>1.911.294.084.666</b>	<b>2.126.740.364.256</b>
Hàng tồn kho	141		1.943.494.117.590	2.162.229.098.990
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.200.032.924)	(35.488.734.734)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.794.829.360</b>	<b>22.365.574.980</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.536.210.142	2.401.399.657
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(b)	18.725.689.395	18.636.917.130
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(c)	1.532.929.823	1.327.258.193

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>4.402.927.875.359</b>	<b>4.576.076.238.692</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>208.804.675.014</b>	<b>238.792.259.173</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	191.896.151.218	220.901.285.265
Nguyên giá	222		609.995.191.496	602.674.348.882
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(418.099.040.278)	(381.773.063.617)
Tài sản cố định vô hình	227	12	16.908.523.796	17.890.973.908
Nguyên giá	228		34.766.546.130	34.236.546.130
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.858.022.334)	(16.345.572.222)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>100.424.595.075</b>	<b>86.480.505.863</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	100.424.595.075	86.480.505.863
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.058.533.770.912</b>	<b>4.214.919.191.997</b>
Đầu tư vào các công ty con	251	5(c)	5.311.626.449.501	5.113.672.015.620
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(c)	3.900.000.000	3.900.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(1.268.492.678.589)	(917.652.823.623)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	11.500.000.000	15.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>35.164.834.358</b>	<b>35.884.281.659</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	35.164.834.358	35.113.014.003
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	-	771.267.656
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.571.232.109.444</b>	<b>10.061.678.923.822</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.157.609.715.160</b>	<b>4.431.552.193.244</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.157.230.432.433</b>	<b>4.431.552.193.244</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	106.354.903.474	2.018.101.461.554
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		65.300.175.299	16.131.821.337
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	17(a)	5.692.712.453	36.395.709.947
Phải trả người lao động	314		52.461.036.280	47.016.384.123
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.402.638.008	265.449.955
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	14.754.678.926	178.376.308.923
Vay ngắn hạn	320	19	1.874.070.145.202	2.084.473.204.785
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	36.194.142.791	50.791.852.620
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>379.282.727</b>	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	379.282.727	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>5.413.622.394.284</b>	<b>5.630.126.730.578</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>5.413.622.394.284</b>	<b>5.630.126.730.578</b>
Vốn cổ phần	411	22	3.998.873.000.000	3.998.873.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		292.399.641.421	292.399.641.421
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	15.781.800.630	57.363.079.045
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.106.567.952.233	1.281.491.010.112
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.117.137.329.812	487.463.922.726
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(10.569.377.579)	794.027.087.386
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>7.571.232.109.444</b>	<b>10.061.678.923.822</b>

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập



Lê Quang Huy  
Kế toán tổng hợp



Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023**

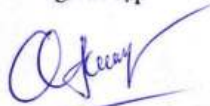
**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã	Thuyết	2023	2022
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng	01	25	6.513.014.973.432	8.953.200.817.998
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	73.917.417.301	27.687.735.833
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>6.439.097.556.131</b>	<b>8.925.513.082.165</b>
Giá vốn hàng bán	11	26	5.841.713.375.515	7.708.948.766.744
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>597.384.180.616</b>	<b>1.216.564.315.421</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	253.109.968.476	653.555.725.751
Chi phí tài chính	22	28	478.678.638.072	442.910.883.895
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		69.723.588.483	41.750.889.029
Chi phí bán hàng	25	29	288.613.948.408	498.975.447.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	96.581.405.015	104.792.026.944
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>(13.379.842.403)</b>	<b>823.441.683.324</b>
Thu nhập khác	31		4.212.799.459	2.857.940.559
Chi phí khác	32		251.784.252	220.176.856
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.961.015.207</b>	<b>2.637.763.703</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(9.418.827.196)</b>	<b>826.079.447.027</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	35.706.024.039
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	32	1.150.550.383	(3.653.664.398)
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(10.569.377.579)</b>	<b>794.027.087.386</b>


Ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập



Lê Quang Huy  
Kế toán tổng hợp

  
Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

  
Lê Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(9.418.827.196)</b>	<b>826.079.447.027</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		39.137.738.061	33.972.530.840
Các khoản dự phòng	03		347.551.153.156	283.161.633.647
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.477.195.087)	(54.240.803.563)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(22.465.833)	(1.486.276.856)
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	05		-	7.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(208.993.631.999)	(555.274.656.089)
Chi phí lãi vay	06		69.723.588.483	41.750.889.029
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>233.500.359.585</b>	<b>580.962.764.035</b>
Biến động các khoản phải thu	09		1.916.491.941.992	327.162.739.398
Biến động hàng tồn kho	10		218.734.981.400	(1.134.775.686.310)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(1.981.035.662.265)	502.521.021.652
Biến động chi phí trả trước	12		2.383.854.850	(1.075.029.406)
			<b>390.075.475.562</b>	<b>274.795.809.369</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(69.723.588.483)	(41.750.889.029)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.644.517.037)	(23.785.664.551)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		22.500.000	200.932.974
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.620.209.829)	(17.590.707.661)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>283.109.660.213</b>	<b>191.869.481.102</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21		(49.672.927.419)	(106.335.132.233)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		1.280.000.000	1.671.649.999
Tiền thu từ đầu tư trái phiếu	23		-	24.500.000.000
Tiền chi cho vay	23		(122.400.000.000)	(26.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	23		6.416.690.316	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(236.500.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		-	344.500.000.000
Tiền chi đầu tư trái phiếu	25		(1.500.000.000)	-
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25		(188.134.433.881)	(545.593.784.883)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		142.640.977.936	322.231.455.499
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(211.369.693.048)</b>	<b>(221.525.811.618)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*


	Mã Thuyết số minh	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(321.900.000)
Tiền thu từ đi vay	33	5.470.503.238.472	8.152.071.289.145
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.682.323.817.882)	(7.299.787.447.757)
Tiền chi trả cổ tức	36	(164.353.024.344)	(459.868.559.600)
Tạm ứng đã nhận từ các công ty con	36	-	168.821.081.866
Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	36	(41.581.278.415)	(30.690.637.462)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(417.754.882.169)</b>	<b>530.223.826.192</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(346.014.915.004)</b>	<b>500.567.495.676</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>637.929.538.722</b>	<b>137.253.411.069</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>3.722.086.765</b>	<b>108.631.977</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70 4</b>	<b>295.636.710.483</b>	<b>637.929.538.722</b>


Ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập

  
 Lê Quang Huy  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt

  
 Lưu Minh Trung  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Văn Điệp  
 Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 5 năm 2006.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã giao dịch là MPC.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 16 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2023: 16 công ty con và 1 công ty liên kết) như được trình bày ở Thuyết minh 5(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 6.341 nhân viên (1/1/2023: 6.892 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 2 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 2 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 11 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 2 – 12 năm |



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 43 năm đến 59 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 10 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 48 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập lãi tiền gửi**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(o) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê trong đó Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	116.802.655	4.708.011.707
Tiền gửi ngân hàng	67.482.907.828	79.221.527.015
Các khoản tương đương tiền (*)	228.037.000.000	554.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	295.636.710.483	637.929.538.722

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi tiền, được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 2,7% đến 3,4% (1/1/2023: 6,0%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có giá trị ghi sổ là 165.000 triệu VND (1/1/2023: 320.000 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2023				1/1/2023			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:</b>								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải	18	180.000	396.000	-	18	180.000	345.600	-
▪ Xăng dầu Việt Nam								
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	19	80.000	1.358.500	-	19	80.000	1.637.800	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới								
▪ Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	188.230.000	-	18.823	272.941.176	272.941.176	-
▪ Công ty Cổ phần Phân lân								
▪ Nung chảy Văn Điện	163.646	3.270.588.235	2.258.314.800	(1.437.753.017)	163.646	3.270.588.235	1.832.835.218	(1.437.753.017)
		8.806.789.411	3.568.299.300	(5.580.753.017)		8.806.789.411	3.227.759.794	(5.580.753.017)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn</b>		
Trái phiếu		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	5.000.000.000	-
<hr/>		
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn</b>		
Trái phiếu		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	11.500.000.000	10.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	-	5.000.000.000
<hr/>		
	<b>11.500.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
<hr/>		

- (i) Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 31 tháng 10 năm 2018. Trái phiếu này sẽ đáo hạn ngày 31 tháng 10 năm 2024 và hưởng lãi suất năm từ 6,52% đến 7,54% (1/1/2023: từ 6,52% đến 7,54%).
- (ii) Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành lần lượt ngày 31 tháng 7 năm 2020, ngày 18 tháng 11 năm 2021 và ngày 20 tháng 7 năm 2023. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn lần lượt vào ngày 30 tháng 7 năm 2030, ngày 18 tháng 11 năm 2031 và ngày 20 tháng 7 năm 2031 và hưởng lãi suất năm từ 6,53% đến 8,53% (1/1/2023: từ 7,00% đến 8,03%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Đầu tư góp vốn vào:**

**Công ty con**

- Mseafood Corporation
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (i)
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (i)
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An
- Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (iii)
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Ebisumo Logistic Co., Ltd.
- Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics (i)
- Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)
- Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm rừng Minh Phú (iv)

	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
	Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(v)
	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(v)
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,50%	97,50%	195.000.000.000	-	(v)
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	283.450.601.469	-	(v)
	Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	1.050.523.813.801	(498.111.404.853)	(v)
	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	99,78%	99,78%	237.040.000.000	(137.012.099.149)	(v)
	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(625.917.816.519)	(v)
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	10.000.000.000	(438.720.336)	(v)
	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(v)
	Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	11.099.000.000	-	(v)
	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	37.000.000.000	(1.613.186.999)	(v)
	Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	233.900.000.000	(5.135.971.227)	(v)
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	(263.479.506)	(v)
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	-	(v)
	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,95%	99,99%	100.000.000.000	-	(v)
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	4.000.000.000	-	(v)
				<b>5.311.626.449.501</b>	<b>(1.268.492.678.589)</b>	

**Công ty liên kết**

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong

	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	3.900.000.000	-	(v)
--	------------------------------------	--------	--------	---------------	---	-----

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Ngày 1 tháng 1 năm 2023**

**Đầu tư góp vốn vào:**

**Công ty con**

- Mseafood Corporation
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (i)
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (i)
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (i)
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An
- Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (i)
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Ebisumo Logistic Co., Ltd.
- Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics (i)
- Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)
- Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm rừng Minh Phú

Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(v)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,50%	97,50%	195.000.000.000	-	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	269.350.601.469	-	(v)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	952.850.043.801	(385.473.941.272)	(v)
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	99,78%	99,78%	199.550.000.000	(93.530.333.045)	(v)
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(428.104.383.794)	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	92,59%	92,27%	7.168.000.000	(2.150.978.933)	(v)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(v)
Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	7.599.000.000	-	(v)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	33.041.336.119	(2.611.242.349)	(v)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	197.000.000.000	(4.736.036.613)	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	(1.045.907.617)	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	-	(v)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,95%	99,09%	100.000.000.000	-	(v)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	79,80%	45,43%	2.500.000.000	-	(v)
			<b>5.113.672.015.620</b>	<b>(917.652.823.623)</b>	

**Công ty liên kết**

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong

49,00%	49,00%	3.900.000.000	-	(v)
		<b>5.113.672.015.620</b>	<b>(917.652.823.623)</b>	



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mseafood Corporation được đăng ký thành lập ở Tiểu bang California, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Ebisumo Logistic Co., Ltd. được đăng ký thành lập tại Nhật Bản. Tất cả các công ty con còn lại được đăng ký thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế thể hiện lợi ích kinh tế thực của Công ty trong các công ty con bao gồm sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

- (i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này.
- (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp 50% lợi ích tại Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú và nắm giữ gián tiếp 49,95% lợi ích tại công ty này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú Hậu Giang”).
- (iii) Trong năm, Minh Phú Hậu Giang, một công ty con của Công ty, đã chuyển nhượng 18,52% lợi ích trong Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Bio”) cho Công ty. Ngoài ra, Minh Phú Bio cũng đã giảm vốn điều lệ xuống còn 10.000 triệu VND. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty trực tiếp sở hữu 100% lợi ích tại Minh Phú Bio (1/1/2023: Công ty nắm giữ trực tiếp 74,07% lợi ích tại Minh Phú Bio và nắm giữ gián tiếp 18,52% lợi ích tại công ty này thông qua Minh Phú Hậu Giang).
- (iv) Trong năm, Công ty TNHH Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú (“Minh Phú Supply Chain”), một công ty con của Công ty, đã chuyển nhượng 15,15% lợi ích tại Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú (“Minh Phú Mangrove Shrimp”) cho Công ty. Ngoài ra, Minh Phú Mangrove Shrimp đã giảm vốn điều lệ xuống còn 4.000 triệu VND. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty trực tiếp sở hữu 100% lợi ích tại Minh Phú Mangrove Shrimp (1/1/2023: Công ty nắm giữ trực tiếp 25,25% lợi ích tại Minh Phú Mangrove Shrimp và gián tiếp nắm giữ 15,15% lợi ích tại công ty này thông qua Minh Phú Supply Chain).
- (v) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	5.113.672.015.620	4.144.472.434.618
Góp vốn vào các công ty con trong năm	197.954.433.881	969.199.581.002
Số dư cuối năm	5.311.626.449.501	5.113.672.015.620

Không có biến động của đầu tư vào các công ty liên kết trong năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	917.652.823.623	657.727.412.702
Tăng trong năm	354.332.597.024	259.925.410.921
Hoàn nhập trong năm	(3.492.742.058)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.268.492.678.589</b>	<b>917.652.823.623</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết có giá trị ghi sổ là 4.047.034 triệu VND (1/1/2023: 4.199.919 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

### (a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
▪ Mseafood Corporation	242.890.065.804	109.322.354.042
▪ Kb Seafood Company Pty Ltd.	98.469.165.451	86.902.279.484
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	70.381.707.635	57.851.529.910
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	43.906.070.563	2.055.450.100.039
▪ Các khách hàng khác	236.751.119.647	280.005.589.560
	<b>692.398.129.100</b>	<b>2.589.531.853.035</b>

### (b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
▪ Mseafood Corporation	242.890.065.804	109.322.354.042
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	70.381.707.635	57.851.529.910
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	43.906.070.563	2.055.450.100.039
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú	921.680.000	-
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy hải sản Minh Phú	44.000.000	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 15 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tất cả khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

**(c) Dự phòng phải thu khó đòi**

	Số ngày quá hạn	31/12/2023 và 1/1/2023		Dự phòng VND
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
<b>Nợ quá hạn</b>				
H.T. Foods Pvt Ltd.	Dưới 2 năm	9.485.495.710	-	(9.485.495.710)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	9.485.495.710	-
Tăng trong năm	-	9.485.495.710
Số dư cuối năm	9.485.495.710	9.485.495.710

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty con</b>		
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	11.085.560.000	10.060.000.000
<b>Các bên thứ ba</b>		
▪ Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy Sản II	3.314.650.000	3.314.650.000
▪ Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh	-	6.568.267.829
▪ Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng Tuệ Phương Linh	-	6.057.937.112
▪ Các nhà cung cấp khác	14.120.624.529	22.145.176.418
	28.520.834.529	48.146.031.359

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND và không có đảm bảo như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Các công ty con</b>				
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	6,0%	2024	128.983.309.684	26.000.000.000
▪ Công ty Cổ Phần Công nghệ Otanics	6,0%	2024	13.000.000.000	-
			<b>141.983.309.684</b>	<b>26.000.000.000</b>

Biến động của phải thu về cho vay ngắn hạn trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	26.000.000.000	192.000.000.000
Tăng trong năm	122.400.000.000	26.000.000.000
Chuyển đổi thành góp vốn	-	(192.000.000.000)
Thu hồi	(6.416.690.316)	-
Số dư cuối năm	<b>141.983.309.684</b>	<b>26.000.000.000</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải thu	67.026.934.550	29.681.010.137
Chi hộ	1.460.758.394	1.234.641.628
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	1.255.356.027	2.639.753.424
Đặt cọc ngắn hạn	950.000.000	1.450.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	377.718.043	1.598.993.637
Phải thu khác	4.865.028.565	4.544.383.268
	<hr/>	<hr/>
	75.935.795.579	41.148.782.094
	<hr/>	<hr/>

**Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	42.501.628.855	27.391.127.047
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Quý	12.239.067.665	-
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Phát	9.996.354.940	-
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	2.289.883.090	2.289.883.090
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	657.284.811	26.136.986
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	57.205.479	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu khác từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	57.242.590.063	(948.401.782)	48.032.900.096	(788.365.512)
Công cụ và dụng cụ	1.967.471.392	(32.597.291)	2.006.764.443	(32.937.088)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.337.971.858	(684.892.248)	14.183.802.616	(232.799.202)
Thành phẩm	1.842.946.084.277	(30.534.141.603)	2.098.005.631.835	(34.434.632.932)
	<u>1.943.494.117.590</u>	<u>(32.200.032.924)</u>	<u>2.162.229.098.990</u>	<u>(35.488.734.734)</u>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm (Giảm)/tăng dự phòng trong năm	35.488.734.734 (3.288.701.810)	21.738.007.718 13.750.727.016
Số dư cuối năm	<u>32.200.032.924</u>	<u>35.488.734.734</u>

Tất cả hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	174.476.727.736	317.522.895.836	90.605.249.620	20.069.475.690	602.674.348.882
Tăng trong năm	-	6.657.530.509	3.220.157.560	-	9.877.688.069
Thanh lý	-	(100.000.000)	(2.456.845.455)	-	(2.556.845.455)
Số dư cuối năm	174.476.727.736	324.080.426.345	91.368.561.725	20.069.475.690	609.995.191.496
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	91.876.417.276	230.038.913.580	45.252.853.192	14.604.879.569	381.773.063.617
Khấu hao trong năm	9.556.836.468	19.020.654.228	7.803.913.512	1.243.883.741	37.625.287.949
Thanh lý	-	(100.000.000)	(1.199.311.288)	-	(1.299.311.288)
Số dư cuối năm	101.433.253.744	248.959.567.808	51.857.455.416	15.848.763.310	418.099.040.278
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	82.600.310.460	87.483.982.256	45.352.396.428	5.464.596.121	220.901.285.265
Số dư cuối năm	73.043.473.992	75.120.858.537	39.511.106.309	4.220.712.380	191.896.151.218

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 223.098 triệu VND (1/1/2023: 202.837 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 21.200 triệu VND (1/1/2023: 29.041 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	14.464.359.012	19.772.187.118	34.236.546.130
Tăng trong năm	-	530.000.000	530.000.000
Số dư cuối năm	14.464.359.012	20.302.187.118	34.766.546.130
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	5.443.467.314	10.902.104.908	16.345.572.222
Khấu hao trong năm	185.541.345	1.326.908.767	1.512.450.112
Số dư cuối năm	5.629.008.659	12.229.013.675	17.858.022.334
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	9.020.891.698	8.870.082.210	17.890.973.908
Số dư cuối năm	8.835.350.353	8.073.173.443	16.908.523.796

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 4.435 triệu VND (1/1/2023: 4.435 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 1.673 triệu VND (1/1/2023: 1.736 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	86.480.505.863	52.864.519.846
Tăng trong năm	17.514.574.902	78.133.502.411
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(44.517.516.394)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.570.485.690)	-
	100.424.595.075	86.480.505.863

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án nhà máy Khánh An	68.187.947.498	62.657.843.000
Nhà ở tập thể cho công nhân	18.948.989.177	11.476.162.863
Quyền sử dụng đất	11.671.500.000	11.671.500.000
Cải tạo văn phòng	1.616.158.400	-
Phần mềm máy vi tính	-	675.000.000
	100.424.595.075	86.480.505.863

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất</b>	<b>Công cụ</b>	<b>Tổng</b>
	<b>trả trước</b>	<b>và dụng cụ</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	21.464.828.790	13.648.185.213	35.113.014.003
Tăng trong năm	-	6.400.894.260	6.400.894.260
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.570.485.690	3.570.485.690
Phân bổ trong năm	(460.783.445)	(9.458.776.150)	(9.919.559.595)
	21.004.045.345	14.160.789.013	35.164.834.358

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	311.151.960
Dự phòng phải thu khó đòi	-	460.115.696
	-	771.267.656
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(379.282.727)	-
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả)/tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần	(379.282.727)	771.267.656

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Quý	16.840.235.640	8.920.235.640
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	-	1.909.330.148.517
▪ Các nhà cung cấp khác	89.514.667.834	99.851.077.397
	106.354.903.474	2.018.101.461.554
Số có khả năng trả nợ	106.354.903.474	2.018.101.461.554

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	16.840.235.640	8.920.235.640
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	3.480.000.000	3.320.000.000
▪ Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm rừng Minh Phú	2.796.286.182	466.651.096
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	1.823.044.908	1.875.829.774
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	1.585.803.106	810.755.284
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	663.163.400	663.163.400
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú	273.690.187	10.725.804
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	-	1.909.330.148.517

Khoản phải trả thương mại cho các công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Không có khoản phải trả người bán nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 bị quá hạn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thuế phải nộp/phải thu từ Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	Phân loại lại VND	31/12/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.438.845.407	-	(22.644.517.037)	-	205.671.630	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.956.864.540	12.625.881.822	(20.890.033.909)	-	-	5.692.712.453
Thuế giá trị gia tăng	-	31.403.789.982	-	(31.403.789.982)	-	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	3.373.339.241	(3.373.339.241)	-	-	-
	36.395.709.947	47.403.011.045	(46.907.890.187)	(31.403.789.982)	205.671.630	5.692.712.453

**(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2023 VND	Số phát sinh VND	Số được hoàn lại VND	Số đã cân trừ VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18.636.917.130	83.329.658.387	(51.837.096.140)	(31.403.789.982)	18.725.689.395



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Phân loại lại VND	31/12/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	205.671.630	205.671.630
Thuế nhập khẩu	761.228.693	-	761.228.693
Các loại thuế khác	566.029.500	-	566.029.500
	<u>1.327.258.193</u>	<u>205.671.630</u>	<u>1.532.929.823</u>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả khác cho nhân viên	8.940.000.000	3.955.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	2.913.472.096	2.471.426.183
Cổ tức phải trả	2.598.649.675	2.597.993.719
Tạm ứng đã nhận từ các công ty con	-	168.821.081.866
Phải trả khác	302.557.155	530.807.155
	<u>14.754.678.926</u>	<u>178.376.308.923</u>

Không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 bị quá hạn.

**Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Các công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		- 152.294.305.960
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát		- 16.526.775.906
		<u>- 168.821.081.866</u>

Các khoản phải trả ngắn hạn khác cho các công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vay ngắn hạn**

	Biến động trong năm			Chênh lệch đánh giá lại VND	31/12/2023 VND
	1/1/2023 VND	Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngắn hạn	2.084.473.204.785	5.470.503.238.472	(5.682.323.817.882)	1.417.519.827	1.874.070.145.202
Số có khả năng trả nợ	2.084.473.204.785				1.874.070.145.202

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
		2023	2022		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	3,0% - 3,8%	7,0% - 8,0%	709.803.899.856	321.044.645.872
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	2,8% - 3,7%	-	603.211.532.292	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	3,8% - 4,2%	1,6% - 4,2%	273.935.437.072	645.126.539.316
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	3,2% - 4,0%	1,6% - 4,2%	183.400.305.000	734.126.214.800
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	3,8% - 4,0%	1,6% - 4,0%	56.565.733.400	190.264.403.600
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	3,0% - 3,7%	-	47.153.237.582	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	-	3,9%	-	193.911.401.197
					1.874.070.145.202
					2.084.473.204.785

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 4)
- Đầu tư góp vốn vào công ty con và công ty liên kết (Thuyết minh 5(c))
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)
- Hàng tồn kho (Thuyết minh 10)
- Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)
- Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)

## **20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	50.791.852.620	50.402.664.571
Trích lập trong năm	-	17.778.962.736
Tăng khác	22.500.000	200.932.974
Sử dụng trong năm	(14.620.209.829)	(17.590.707.661)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	36.194.142.791	50.791.852.620

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	2.000.000.000.000	2.297.421.887.777	(1.628.235.339)	77.252.801.080	997.134.186.433	5.370.180.639.951
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	794.027.087.386	794.027.087.386
Phát hành cổ phiếu	1.999.436.500.000	(1.999.436.500.000)	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu	-	670.121.020	(992.021.020)	-	-	(321.900.000)
Giảm cổ phiếu	(563.500.000)	(2.056.756.359)	2.620.256.359	-	-	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(459.870.395.000)	(459.870.395.000)
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	17.778.962.736	(17.778.962.736)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.778.962.736)	(17.778.962.736)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(30.690.637.462)	-	(30.690.637.462)
Các điều chỉnh khác	-	(4.199.111.017)	-	(6.978.047.309)	(14.241.943.235)	(25.419.101.561)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	3.998.873.000.000	292.399.641.421	-	57.363.079.045	1.281.491.010.112	5.630.126.730.578
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(10.569.377.579)	(10.569.377.579)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(164.353.680.300)	(164.353.680.300)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(41.581.278.415)	-	(41.581.278.415)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	3.998.873.000.000	292.399.641.421	-	15.781.800.630	1.106.567.952.233	5.413.622.394.284



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Ngày 24 tháng 11 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền cho các cổ đông là 164.353.680.300 VND, tương đương 411 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (2022: 459.870.395.000 VND, tương đương 2.300 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2021).

## 22. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	399.887.300	3.998.873.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	399.887.300	3.998.873.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

## 23. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	19.296.850.560	19.296.850.560
Trong vòng hai đến năm năm	7.698.622.560	9.987.402.240
Sau năm năm	-	208.070.880
	26.995.473.120	29.492.323.680

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	79.600	1.926.329.922	180.731	4.265.252.308
JPY	371.979.219	63.608.446.449	342.925.549	59.326.119.977
CAD	1.265	21.800.887	1.302	22.429.513
EUR	30.539	797.059.287	231.913	5.705.057.340
AUD	124	1.956.830	189	3.110.628
		66.355.593.375		69.321.969.766

**(c) Hợp đồng mua bán ngoại tệ**

Tại ngày báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết bán JPY và USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Cam kết hợp đồng bán JPY	175.938.830.000	107.117.500.000
Cam kết hợp đồng bán USD	62.940.800.000	-
	238.879.630.000	107.117.500.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	13.297.209.140	28.672.950.917

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	5.769.776.721.173	7.374.998.082.775
▪ Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	731.363.091.118	1.563.473.908.450
▪ Phế liệu đã bán	11.875.161.141	14.728.826.773
	6.513.014.973.432	8.953.200.817.998
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	73.917.417.301	27.687.735.833
	6.439.097.556.131	8.925.513.082.165

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành phẩm đã bán	5.142.109.484.874	6.316.700.771.935
Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	702.892.592.451	1.378.497.267.793
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.288.701.810)	13.750.727.016
	5.841.713.375.515	7.708.948.766.744

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Cổ tức	199.010.127.460	536.841.775.711
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	9.836.196.139	18.326.491.478
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	39.518.838.472	35.011.622.357
Cổ tức từ chứng khoán kinh doanh	147.308.400	106.388.900
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	4.597.498.005	63.269.447.305
	<hr/> 253.109.968.476	<hr/> 653.555.725.751 <hr/>

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	350.839.854.966	259.925.410.921
Chi phí lãi vay	69.723.588.483	41.750.889.029
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	57.962.595.086	125.129.087.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	120.302.918	9.028.643.742
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư vào các đơn vị khác	-	7.000.000.000
Chi phí tài chính khác	32.296.619	76.853.069
	<hr/> 478.678.638.072	<hr/> 442.910.883.895 <hr/>





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí vận chuyển	96.602.075.738	317.370.133.269
Chi phí thuê kho	90.570.387.810	84.564.605.245
Chi phí hoa hồng	33.288.528.537	30.234.595.279
Chi phí nhân viên	19.659.724.209	19.632.677.281
Chi phí bán hàng khác	48.493.232.114	47.173.435.935
	288.613.948.408	498.975.447.009

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	57.547.547.530	54.701.656.472
Dụng cụ văn phòng	13.636.475.634	13.804.694.521
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.464.488.318	9.276.739.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.264.504.750	7.027.154.331
Phí ngân hàng	1.318.569.432	1.404.403.319
Dự phòng phải thu khó đòi	-	9.485.495.710
Chi phí quản lý khác	7.349.819.351	9.091.883.394
	96.581.405.015	104.792.026.944

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.794.742.860.779	7.858.347.832.566
Chi phí nhân công và nhân viên	761.266.720.853	920.845.572.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.259.350.821	568.104.216.413
Chi phí khấu hao và phân bổ	39.137.738.061	33.972.530.840
Chi phí khác	76.596.680.108	85.973.786.977

JBT  
 CH  
 ÔP  
 VHT

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	-	35.706.024.039
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	1.150.550.383	(3.653.664.398)
	1.150.550.383	32.052.359.641

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.418.827.196)	826.079.447.027
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(941.882.720)	82.607.944.703
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động thương mại và thu nhập khác	-	2.467.667.832
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.981.332.779	671.563.567
Thu nhập không bị tính thuế	(19.901.012.746)	(53.694.816.461)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	18.012.113.070	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.150.550.383</b>	<b>32.052.359.641</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗi tính thuế	180.121.130.702	18.012.113.070	-	-

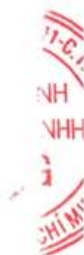
Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	180.121.130.702

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗi tính thuế bởi vì không có sự chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại và các hoạt động khác.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý</b>		
Bán thành phẩm	246.443.375.876	186.691.519.444
Cổ tức	12.239.067.665	16.782.181.397
Chi phí thuê nhà xưởng	7.200.000.000	7.200.000.000
Chi phí thuê văn phòng	330.000.000	330.000.000
<b>Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát</b>		
Bán thành phẩm	-	26.543.092.745
Góp vốn	14.100.000.000	148.629.940.343
Chi phí thuê nhà xưởng	9.600.000.000	9.600.000.000
Cổ tức	9.996.354.940	10.442.541.838
Chi phí thuê văn phòng	80.000.000	80.000.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang</b>		
Mua thành phẩm	705.514.656.152	1.467.006.342.616
Mua nguyên vật liệu	3.923.347.381	756.182.225
Góp vốn	-	196.538.460.000
Cổ tức	117.923.076.000	444.176.919.600
Bán thành phẩm	750.086.381.233	1.335.356.451.255
Hàng bán bị trả lại	31.428.585.977	-
Bán nguyên vật liệu	1.166.006.569	3.348.163.753
Mua tài sản cố định	-	153.086.349
Thu nhập khác	-	54.000.000
Chi phí khác	668.831.499	215.053.349
Chuyển nhượng khoản đầu tư	2.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang</b>		
Mua nguyên vật liệu	67.008.280.911	401.124.119.595
Góp vốn	97.673.770.000	125.700.000.000
Bán tài sản cố định	1.200.000.000	-
<b>Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú</b>		
Góp vốn	37.490.000.000	45.785.844.540
Chi phí khác	1.031.555.970	2.706.805.886
Bán tài sản cố định	-	300.000.000
Mua nguyên vật liệu	256.796.379	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An</b>		
Mua nguyên vật liệu	63.051.495.680	471.763.407.551
Góp vốn	-	300.000.000.000
Cho vay	109.400.000.000	26.000.000.000
Thu hồi cho vay	6.416.690.316	192.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	5.276.421.644	262.849.315
Mua tài sản cố định hữu hình	1.774.713.256	-
<b>Mseafood Corporation</b>		
Bán thành phẩm	1.086.617.213.188	1.213.004.637.659
<b>Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú</b>		
Mua dịch vụ	17.848.074.420	27.014.610.590
Mua nguyên vật liệu	20.613.480.157	44.478.807.141
Cổ tức	42.501.628.855	30.865.821.884
Phí xét nghiệm	826.800.000	188.400.000
Phí chứng nhận hàng hóa	1.031.555.975	1.749.331.895
Chuyển nhượng khoản đầu tư	1.500.000.000	-
<b>Ebisumo Logistic Co., Ltd.</b>		
Bán thành phẩm	253.157.173.515	363.091.646.490
Cổ tức	3.500.000.000	3.696.000.000
Góp vốn	3.500.000.000	3.696.000.000
<b>Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú</b>		
Bán thành phẩm	65.190.842.000	42.333.323.496
Hàng bán bị trả lại	-	344.690.000
Mua dịch vụ	13.307.778	797.637.466
Bán tài sản cố định	56.668.288	200.000.000
Góp vốn	3.958.663.881	31.041.336.119
Các chi phí khác	-	18.919.145
<b>Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú</b>		
Cổ tức	12.250.000.000	24.500.000.000
<b>Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm rừng Minh Phú</b>		
Mua nguyên vật liệu	217.707.675.257	104.001.325.758
Mua dịch vụ	10.817.915.819	6.244.926.320
Cổ tức	600.000.000	3.088.427.902
Góp vốn	1.500.000.000	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú</b>		
Góp vốn	36.900.000.000	117.000.000.000
Mua tài sản cố định	831.595.988	-
Mua dịch vụ	-	235.704.281
<b>Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú</b>		
Mua dịch vụ	16.732.343.233	12.837.005.595
Cổ tức	-	3.289.883.090
Chi phí thuê xe	440.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics</b>		
Cho vay	13.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	174.904.109	-
Mua nguyên vật liệu	-	24.163.636
<b>Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú</b>		
Góp vốn	2.832.000.000	808.000.000
<b>Công ty liên kết gián tiếp</b>		
<b>Công ty Cổ phần Mekong Logistics</b>		
Mua dịch vụ	57.336.168.135	59.094.218.135
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng</b>		
Chi phí thuê văn phòng	3.814.446.000	1.935.223.000
<b>Các cổ đông chính</b>		
<b>MPM Investments Pte. Ltd.</b>		
Chia cổ tức	57.704.400.000	161.460.000.000
<b>Chu Thị Bình</b>		
Chia cổ tức	27.365.266.116	80.754.909.000
<b>Lê Văn Quang</b>		
Chia cổ tức	25.015.983.129	73.923.840.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Các giao dịch với nhân sự quản lý chủ chốt**

Tổng lương, thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Bà Chu Thị Bình	150.000.000	150.000.000
Ông Lê Văn Quang	150.000.000	150.000.000
Ông Lê Văn Điệp	150.000.000	150.000.000
Ông Phan Thanh Lộc	390.000.000	390.000.000
Bà Hồ Thu Lê	390.000.000	390.000.000
Ông Bùi Anh Dũng	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	390.000.000	390.000.000
Ông Sasaki Takahiro	390.000.000	202.500.000
Ông Hamaya Harutoshi	390.000.000	202.500.000
Ông Nagoya Yutaka	-	144.230.769
Ông Tsukahara Keiichi	-	144.230.769
<b>Ban Giám đốc</b>		
Ông Lê Văn Quang	1.411.107.151	1.388.319.843
Bà Chu Thị Bình	1.616.615.343	1.487.452.599
Ông Thái Hoàng Hùng (đến ngày 5 tháng 11 năm 2023)	740.564.052	1.173.172.087
Ông Lê Văn Điệp	4.315.867.749	4.263.773.924
Ông Bùi Anh Dũng	29.100.000	29.100.000
Ông Lê Ngọc Anh	-	-
Bà Lê Thị Dịu Minh	1.036.264.208	1.076.918.374
Ông Chu Hồng Hà	-	-
Ông Tsunoda Norihisa	1.081.080.000	780.780.000
Ông Trần Văn Thái (đến ngày 1 tháng 9 năm 2023)	582.562.000	593.838.111
Ông Suzuki Yoshiaki	-	90.566.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Ông Trần Văn Khánh	500.093.869	421.313.151
Bà Lâm Thị Thúy Kiều	-	-
Bà Vũ Thị Thảo Nguyên	-	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	361.473.934	313.444.048
Bà Đỗ Thị Hạnh	340.972.751	337.519.211

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Chuyển đổi khoản phải thu từ các công ty con thành góp vốn	3.320.000.000	31.371.336.119
Chuyển đổi khoản phải thu cổ tức từ các công ty con thành vốn góp	6.500.000.000	200.234.460.000
Chuyển khoản phải thu về cho vay từ các công ty con thành góp vốn	-	192.000.000.000
Cần trừ khoản phải thu cổ tức từ các công ty con với khoản phải trả người bán cho các công ty con	23.891.127.047	31.035.465.579
Mua xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình đã mua nhưng chưa thanh toán	2.983.113.622	24.733.778.070

**35. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập



Lê Quang Huy  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung  
 Kế toán trưởng

Lê Văn Điệp  
 Phó Tổng Giám đốc





## THƯ GIẢI TRÌNH

(V/v biến động lợi nhuận riêng công ty mẹ năm 2023 so với cùng kỳ)

**KÍNH GỬI :** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ vào chương III, điều 14, khoản 4(a, b) thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nay, Tập đoàn thủy sản Minh Phú (Mã CK : MPC) giải trình chênh lệch lợi nhuận trên báo cáo tài chính riêng công ty mẹ năm 2023 so với cùng kỳ năm trước như sau :

CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022
Lợi nhuận sau thuế	(10,569,377,579)	794,027,087,386

Nguyên nhân:

- Do Công ty mẹ trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con.  
Trên đây là nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ giảm trên 10% và chuyển từ lãi sang lỗ so với cùng kỳ năm trước./.

Trân trọng kính chào .

Nơi nhận :  
- Như trên  
- Lưu VT

Cà Mau, ngày 20 tháng 03 năm 2024  
TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ  
P. TỔNG GIÁM ĐỐC  
  
LÊ VĂN ĐIỆP